

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2003/QĐ-UB

Đà Lạt, ngày 05 tháng 03 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
V/v Ban hành Quy định các chỉ tiêu chủ yếu
về quản lý quy hoạch và xây dựng đối với nhà ở tư nhân
trên địa bàn thành phố Đà Lạt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và ủy ban Nhân dân (sửa đổi) ngày 21/06/1994;
- Căn cứ Nghị định số 91/CP ngày 17/08/1994 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ quản lý quy hoạch đô thị;
- Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 27/5/2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và vùng phụ cận đến năm 2020;
- Căn cứ Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc ban hành Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND.KVI ngày 30/01/2002 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Lâm Đồng khoá VI, kỳ họp thứ 7 về đặt tên cho các đường chưa có tên và đổi tên đường có tên trùng lặp trên địa bàn Thành phố Đà Lạt;
- Xét đề nghị của Giám đốc các Sở : Xây dựng, Giao thông Vận tải, Địa Chính và Chủ tịch ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.

1.1 Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định các chỉ tiêu chủ yếu về quản lý quy hoạch và xây dựng đối với nhà ở tư nhân trên địa bàn thành phố Đà Lạt”.

1.2 Các chỉ tiêu chủ yếu nêu trên là cơ sở cho các cơ quan chức năng của Tỉnh và thành phố Đà Lạt thực hiện quản lý quy hoạch và xây dựng nhà ở tư nhân trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/1999/QĐ-UB ngày 20/3/1999, Quyết định số 149/2002/QĐ-UB ngày 15/11/2002 của ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Các quy định trước đây trái với Quy định ban hành kèm theo Quyết định này đều hết hiệu lực thi hành.

Điều 3.

3.1 Giao ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Lạt tổ chức phổ biến, niêm yết, công bố công khai bằng nhiều hình thức Quy định ban hành kèm theo Quyết định này để các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

3.2 Giao Sở Xây dựng, Sở Địa chính và các ngành chức năng có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp với ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt tổ chức thực hiện việc quản lý quy hoạch và xây dựng nhà ở tư nhân trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng Nhân dân và ủy ban Nhân dân Tỉnh, Giám đốc các Sở : Xây dựng; Địa chính; Giao thông Vận tải; Tư pháp, Chủ tịch ủy ban Nhân dân thành phố Đà Lạt, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc yêu cầu báo cáo ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng để xem xét giải quyết./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)
PHAN THIÊN

QUY ĐỊNH
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH VÀ
XÂY DỰNG ĐỐI VỚI NHÀ Ở TƯ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH
PHỐ ĐÀ LẠT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-UB
ngày 05 tháng 3 năm 2003 của ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng).*

I/ CÁC QUY ĐỊNH CHUNG :

1- Quy định về loại nhà ở, dạng kiến trúc :

- Nhà liên kế, nhà phố : Là nhà xây dựng liên kế nhau, có thể xây dựng trùng với lộ giới đường, đường hẻm.

- Nhà liên kế có sân vườn : Là nhà xây dựng liên kế nhau, mặt trước nhà có khoảng lùi so chỉ giới đường đỏ (lộ giới) tối thiểu 2,4m để làm sân vườn, khoảng lùi mặt sau nhà (nếu có) so với ranh đất tối thiểu 2,0m.

- Nhà biệt lập : Là nhà xây dựng riêng lẻ có tất cả bốn mặt không liền kề với bất cứ công trình kiến trúc nào và tất cả các mép nhà đều phải cách ranh đất tối thiểu là 1,0m.

- Nhà song lập : Là một ngôi nhà biệt lập gồm hai căn nhà có kiến trúc nối liền nhau, giữa hai căn nhà có phần tường chung đảm bảo cách âm và phòng chống cháy.

- Biệt thự : Là nhà biệt lập nhưng có công năng sử dụng hoàn chỉnh và mức độ hoàn thiện công trình cao cấp hơn.

2- Quy định về mật độ xây dựng :

a/- Mật độ xây dựng được xác định theo bảng 5.7.2 và bảng 7.6.2 của Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam, cụ thể như sau :

- Tối đa 100% diện tích lô đất xây dựng đối với nhà liên kế, nhà phố;
- Tối đa 90% diện tích lô đất xây dựng đối với nhà liên kế có sân vườn;
- Tối đa 50% diện tích lô đất xây dựng đối với nhà biệt lập, song lập;
- Tối đa 30% diện tích lô đất xây dựng đối với biệt thự.

b/- Mật độ xây dựng được tính trên diện tích lô đất được phép sử dụng để xây dựng (diện tích đất ở). Trường hợp lô đất được phép sử dụng để xây dựng nằm trong cùng một thửa đất lớn có đất nông nghiệp, đất sân vườn, đất tạm giao do cùng chủ sử dụng có giấy tờ sử dụng đất hợp lệ thì tùy thuộc vào vị trí, diện tích, quy hoạch cụ thể của toàn bộ lô đất có thể tính tăng thêm mật độ xây dựng, nhưng tối đa không quá 60% đối với nhà biệt lập và không quá 40% đối với nhà biệt thự tính trên phần đất được sử dụng để xây

dựng (đất ở). Đối với các lô đất có xác định rõ mật độ xây dựng theo quy hoạch chi tiết được duyệt thì thực hiện theo đúng quy hoạch chi tiết được duyệt.

3- Quy định về chiều cao nhà :

a/- Chiều cao toàn nhà : Theo quy định cụ thể ở phần II. Trong đó, các loại nhà biệt lập, nhà song lập và biệt thự được xây dựng trên khu đất có diện tích rộng nên tầng được tính từ độ cao san gạt nền xây dựng.

b/- Chiều cao từng tầng nhà :

- Tầng trệt nếu có bố trí tầng lững thì chiều cao tối đa là 5,0m được tính từ mặt vỉa hè đường phố đến mặt sàn lầu 1. Nhà biệt lập, nhà song lập và biệt thự không sử dụng khái niệm tầng lững; trường hợp muốn tạo cao độ chênh lệch cho nhà biệt lập, nhà song lập và biệt thự theo ý muốn hoặc theo địa hình thì chỉ tính tầng theo nền, sàn nhà.

- Các tầng lầu có chiều cao tối đa là 3,60m (tính từ mặt sàn tầng dưới đến mặt sàn tầng trên).

c/- Tầng hầm :

- Nhà biệt lập, nhà song lập và biệt thự không sử dụng khái niệm tầng hầm.

- Trong trường hợp vị trí nhà, lô đất được phép sử dụng để xây dựng thấp hơn mặt đường thì được phép xây dựng tầng hầm và không phải tính như là một tầng ngoại trừ các trường hợp sau :

- + Trường hợp vị trí nhà, lô đất được phép sử dụng để xây dựng nằm giữa hai con đường (đường hẻm) thì tầng cao được tính theo vị trí tại mặt đường (đường hẻm) thấp hơn;
- + Trường hợp nhà phải xây dựng tầng hầm chỉ có một mặt giáp đường (đường hẻm) thì tầng cao được tính theo quy định của đường (đường hẻm) đó và trên mỗi 12m chiều dài nhà kể từ vị trí giáp đường (đường hẻm) được phép xây dựng, phải giảm 1 tầng nhằm tạo sự giạt cấp công trình hài hoà theo địa hình;
- + Trường hợp xây dựng nhà có nhu cầu làm tầng hầm tại vị trí mà độ cao lô đất bằng với mặt đường thì có thể cho phép đào hầm và nâng cao mặt nền tầng trệt, nhưng mặt nền tầng trệt không được cao quá 1m so với mặt đường. Bậc cấp vào tầng trệt và lối xuống hầm không được vi phạm khoảng lùi và lộ giới.

4- Quy định đối với nhà ở trong hẻm :

Các quy định chi tiết về chỉ giới xây dựng, dạng kiến trúc, tầng cao tối đa và mật độ xây dựng trong bảng đính kèm áp dụng cho các nhà xây dựng ở mặt tiền các con đường, đoạn đường có tên trong danh sách. Đối với các nhà xây dựng ở trong hẻm quy định như sau :

a/- Nhà xây dựng trong hẻm thuộc con đường, đoạn đường nào thì áp dụng theo dạng kiến trúc cho phép xây dựng đối với con đường, đoạn đường đó; riêng tầng cao phụ thuộc vào lộ giới và được quy định cụ thể như sau :

- Nhà liên kế, nhà phố :

+ Đối với đường hẻm có lộ giới lớn hơn 6m và nhỏ hơn 14m : Tối đa 3 tầng (1 trệt + 2 lầu);

+ Đối với đường hẻm có lộ giới nhỏ hơn hoặc bằng 6m : Tối đa 2 tầng (1 trệt + 1 lầu).

- Nhà liên kế có sân vườn:

+ Đối với đường hẻm có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 10m : Tối đa 3 tầng (1 trệt + 2 lầu);

+ Đối với đường hẻm có lộ giới nhỏ hơn 10m : Tối đa 2 tầng (1 trệt + 1 lầu).

- Nhà biệt lập, nhà song lập và biệt thự : Tối đa 2 tầng (1 trệt + 1 lầu) và không sử dụng khái niệm tầng hầm, tầng lửng.

b/- Nhà xây dựng trong hẻm nối thông hai con đường, đoạn đường có lộ giới và dạng kiến trúc cho phép xây dựng khác nhau thì áp dụng theo dạng kiến trúc cho phép xây dựng đối với con đường, đoạn đường có lộ giới lớn hơn; riêng tầng cao thì được xác định như điểm a khoản này.

c/- Trường hợp đường quy hoạch mới, hẻm quy hoạch mới thì thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

5- Quy định về hình thức mái công trình :

a/- Tất cả các nhà biệt lập, nhà song lập và biệt thự khi xây dựng mới hoặc cải tạo phải làm mái dốc lợp ngói hoặc tôn màu.

b/- Các loại nhà ở liên kế, liên kế có sân vườn khi xây dựng mới chủ yếu làm mái dốc lợp ngói hoặc tôn màu. Trường hợp những khu vực quy hoạch chi tiết cho phép làm mái bằng phải có giải pháp xử lý cho phù hợp, đảm bảo kỹ mỹ thuật.

c/- Các công trình, nhà ở đã xây dựng, khi sửa chữa phải cải tạo lại phần mái như đã quy định cho công trình xây dựng mới.

6- Quy định về hình thức bên ngoài công trình :

a/- Không được xây dựng các kiến trúc bằng vật liệu thô sơ (tranh, tre, nứa, lá) trong khu vực đô thị, trừ trường hợp có yêu cầu đặc biệt về kiến trúc và được phép của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

b/- Không được xây thêm các kiến trúc chắp vá, bám vào kiến trúc chính như vẩy thêm mái bám vào kiến trúc chính, tường rào; làm kiến trúc tạm trên sân thượng, ban-công, lô-gia.

c/- Mặt ngoài nhà (mặt tiền, mặt bên) phải có kiến trúc phù hợp và hài hoà với kiến trúc hiện có chung quanh hoặc theo quy hoạch chi tiết; không được sơn quét các màu đen, màu tối sẫm, sơn phản quang và trang trí các chi

tiết phản mỹ thuật; đồng thời phải phù hợp với màu sắc kiến trúc cảnh quan khu vực.

d/- Mặt tiền các ngôi nhà dọc các đường phố chính, ở các vị trí có thể nhìn thấy từ đường và các khu vực công cộng không được bố trí sân phơi quần áo.

II/ QUY ĐỊNH CỤ THỂ :

S T T	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Lộ giới (m)	Dạng kiến trúc	Khoảng lùi (m)	Tầng cao	Ghi chú
01	An Bình	Đống Đa	Triệu Việt Vương	16,0	Biệt lập	3,0	2	
02	An Dương Vương	Phan Đình Phùng	Cổ Loa	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
03	An Tôn	Hoàng Văn Thụ	Cuối đường	16,0	Biệt lập	3,0	2	
04	An Sơn	Triệu Việt Vương	Y Định	16,0	Biệt lập	3,0	2	
05	Ankroet	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Suối Vàng - Đan Kia	24,0	Biệt lập	6,0	2	
06	ánh Sáng	Lê Đại Hành	Nguyễn Văn Cừ	20,0	Liên kế	0,0	3	
07	Ba Tháng Hai	Khu Hòa Bình	Phan Đình Phùng	14,0 đến 16,0	Liên kế	0,0	3	
		Phan Đình Phùng	Cầu Ba Tháng Hai	-	Liên kế	0,0	3	Đối với các khu quy hoạch chi tiết có quy định về tầng cao, khoảng lùi thì thực hiện theo QHCT

								(sau đây gọi chung là Quy hoạch chi tiết)
		Cầu Ba Tháng Hai	Hoàng Văn Thụ	20,0	Liên kế có sân vườn	3,0	3	
		Hoàng Văn Thụ	Pasteur	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	3	Quy hoạch chi tiết
08	Ba Tháng Tư	Hồ Tùng Mậu	Đông Đa	27,0	Biệt lập	6,0	2	
09	Bạch Đằng	Ngô Quyền	Nguyễn Siêu	16,0	Biệt lập	3,0	2	
10	Bà Huyện Thanh Quan	Đình Tiên Hoàng	Yersin	20,0	Biệt thự	-	-	Quy hoạch chi tiết
11	Bà Triệu	Cầu Bà Triệu	Trần Phú	18,0	Liên kế	0,0	4	Quy hoạch chi tiết
12	Bé Văn Đàn	Thái Phiên	Nguyễn Hữu Cầu	10,0	Biệt lập	3,0	2	
13	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Thái Học	Nhà số 9C Bùi Thị Xuân	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	4	
		Từ sau nhà số 9C Bùi Thị Xuân	Khách sạn Lâm Phụng	20,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	4,5 2,4	2 3	
		Khách	Hẻm đường Nguyễn	20,0	Liên	2,4	3	Biệt lập thi giữ nguyên dạng

		sạn Lâm Phụng	Thị Nghĩa (Nguyễn Văn Trỗi)		kế có sân vườn			kiến trúc, không được chuyên thành nhà liên kế có sân vườn
		Hẻm đường Nguyễn Thị Nghĩa (Nguyễn Văn Trỗi)	Thông Thiên Học	20,0	Biệt lập	4,5	2	
		Thông Thiên Học	Ngã 5 Đại học	20,0	Liên kế	0,0	4	
14	Cam Ly	Hoàng Văn Thụ	Ankroet	20,0	Biệt lập	4,5	2	
15	Cao Bá Quát	Phan Đình Phùng	Xô Viết Nghệ Tĩnh	16,0	Biệt lập	3,0	2	
16	Cao Thắng	Ngô Quyền	Khu dân cư số 3	16,0	Biệt lập	3,0	2	
17	Cách Mạng Tháng 8	Bà Huyện Thanh Quan	Cù Chính Lan	16,0	Biệt lập	3,0	2	
18	Châu Văn Liêm	Thánh Mẫu (ngã 3 Nghĩa Trang)	Nguyễn Hoàng	14,0	Biệt lập	3,0	2	
19	Chu Văn An	Trần Hưng Đạo	Hồ Tùng Mậu	14,0	Liên kế có sân vườn	3,0	2	Quy hoạch chi tiết
20	Cô Bắc	Quang Trung	Cô Giang	14,0	Biệt lập	3,0	2	
21	Cô	Quang	Quang	14,0	Biệt	3,0	2	

	Giang	Trung	Trung		lập			
22	Cổ Loa	An Dương Vương	Thông Thiên Học	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
23	Công Chúa Ngọc Hân	Thánh Mẫu	Nguyễn Hoàng	14,0	Biệt lập	3,0	2	
24	Cù Chính Lan	Nguyên Tử Lục	Vòng Lâm Viên	16,0	Biệt lập	3,0	2	
25	Đa Minh	Huyền Trân Công Chúa	Y Dinh	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
26	Đa Phú	Ankr oet (ngã 3 Kim Thạch)	Ankro et (ngã 3 Hồ Hồng)	12,0	Biệt lập	3,0	2	
27	Đặng Thái Thân	Ba tháng Tư (Cục Hải Quan Đà Lạt)	Ba Tháng Tư	12,0	Biệt lập	3,0	2	Quy hoạch chi tiết
28	Đan Kia	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Câu Phước Thành	20,0	Biệt lập	4,5	2	
29	Dã Tượng	Lê Thánh Tôn	Hàn Thuyên	16,0	Biệt lập	3,0	2	
30	Đào Duy Từ	Trần Phú	Cuối trường TH kinh tế kỹ thuật Lâm Đồng	12,0	Liên kế	0,0	3	

		Cuối trường TH kinh tế kỹ thuật Lâm Đồng	Suối Cát	12,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
31	Đình Công Tráng	Bạch Đằng	Nguyễn Siêu	14,0	Biệt lập	3,0	2	
32	Đình Tiên Hoàng	Nguyễn Thái Học	Khách sạn Hồng Vân	20,0	Biệt lập	4,5	2	
		Khách sạn Hồng Vân	Bùi Thị Xuân	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	3	
33	Đông Đa	Ba Tháng Tư	Cầu Đông Đa	16,0	Biệt lập	3,0	2	
34	Đông Tâm	Hoàng Văn Thụ	Cuối đường	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
35	Đoàn Thị Điểm	Bà Triệu	UBND phường 4	14,0	Trái: Liên kế Phải: Liên kế có sân vườn	0,0 2,4	3 3	
		UBND phường 4	Trần Phú	14,0	Biệt thự	6,0	2	
36	Gio An	Hoàng Văn Thụ	Y Dinh	10,0	Biệt lập	3,0	2	
37	Hai Bà Trưng	Hải Thượng	Nhà số 46	20,0	Liên kế	0,0	3	

		Sau nhà số 46	Nhánh N2	20,0	Biệt lập	4,5	2	
		Nhánh N2	Nhánh N1	20,0	Biệt lập	4,5	2	Từ lộ giới La Sơn Phu Tử ở ngã 4 Hai Bà Trưng - La Sơn Phu Tử ra mỗi bên 50m : Liên kế có sân vườn.
		Nhánh N1	La Sơn Phu Tử	20,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	4,5 2,4	2 2	
		La Sơn Phu Tử	Ngô Quyền	20,0	Biệt lập	4,5	2	
38	Hà Huy Tập	Trần Phú	Lương Thế Vinh	18,0	Liên kế	0,0	3	
		Lương Thế Vinh	Cầu Đổng Đa	16,0	Biệt lập	3,0	2	
39	Hàn Thuyên	Trần Bình Trọng	Yết Kiêu	16,0	Biệt lập	3,0	2	
40	Hải Thượng	Ba Tháng Hai	Hai Bà Trưng	-	Liên kế	0,0	3	Quy hoạch chi tiết
		Hai Bà Trưng	Trần Bình Trọng	17,5	Liên kế	0,0	3	Lệch tâm (trái: 10,0m; phải: 7,5m)
41	Hồ Tùng Mậu	Trần Phú	Nút giao thông Thủy Tạ	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
		Nút giao	Ba Tháng	27,0	Biệt	6,0	2	

		thông Thủy Tạ	Tur		lập			
42	Hồ Xuân Hương	Phan Chu Trinh	Thái Phiên	20,0	Biệt lập	4,5	2	
43	Hoàng Diệu	Hai Bà Trưng	Số 13 Hoàng Diệu	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
		Sau số 13 Hoàng Diệu	Lê Lai	16,0	Biệt lập	3,0	2	
44	Hoàng Hoa Thám	Hùng Vương	Chùa Linh Phong	14,0	Biệt lập	3,0	2	
45	Hoàng Văn Thụ	Trần Phú	Cam Ly	20,0	Biệt lập	4,5	2	
46	Hùng Vương	Trần Hưng Đạo	Nam Hồ	27,0	Biệt lập	6,0	2	
47	Huyền Trân Công Chúa	Hoàng Văn Thụ	Nhà số 1 (trường nam Thiên cũ)	16,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 3,0	2 2	
		Từ sau nhà số 1 (trường Nam Thiên cũ)	Nghĩa trang Du Sinh	16,0	Biệt lập	3,0	2	
48	Huỳnh Tấn Phát	Quốc lộ 20 (Xí nghiệp Xây lắp	Cuối đường	10,0	Biệt lập	3,0	2	

		Bru điện)						
49	Huỳnh Thúc Kháng	Lê Hồng Phong	Pasteur	14,0	Biệt lập	3,0	2	
50	Khe Sanh	Hùng Vương	Bảo Quang Tự	27,0	Biệt lập	6,0	2	Lệch tâm (trái: 17,0m; phải: 10,0m)
		Bảo Quang Tự	Mimosa	27,0	Biệt lập	6,0	2	
51	Khởi Nghĩa Bắc Sơn	Ba Tháng Tư	Trần Hưng Đạo	16,0	Biệt lập	4,5	2	
52	Khu Chi Lãng	-	-	-	Liên kế	0,0	3	
53	Khu Hòa Bình	-	-	-	Liên kế	0,0	4	Quy hoạch chi tiết
54	Kim Đồng	Ngô Quyền	Suối Cam Ly	10,0	Biệt lập	3,0	2	
55	Kim Thạch	Ankroet	Trần Văn Côi	20,0	Biệt lập	6,0	2	
56	Ký Con	Nguyễn Du	Phó Đức Chính	14,0	Biệt thự	6,0	2	
57	La Sơn Phu Tử	Phan Đình Phùng	Ngô Quyền	20,0	Liên kế	0,0	3	
58	Lâm Văn Thạnh	Quốc lộ 20 (khu vực khai thác đá của Học viện Lục Quân)	Quốc lộ 20 (UBND phường 11)	14,0	Biệt lập	4,5	2	
59	Lê Hồng Phong	Trần Phú	Triệu Việt Vương	20,0	Biệt lập, biệt thự	4,5	2	

60	Lê Lai	Trần Bình Trọng	Hoàng Diệu	16,0	Biệt thự	4,5	2	
61	Lê Đại Hành	Khu Hòa Bình	Phạm Ngũ Lão	-	Liên kế	-	3	Quy hoạch chi tiết
		Phạm Ngũ Lão	Trần Phú	-	Liên kế	-	2	Quy hoạch chi tiết
62	Lê Quý Đôn	Ba Tháng Hai	Suối Phan Đình Phùng	12,0	Liên kế	0,0	3	Quy hoạch chi tiết
63	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Thượng Hiền	Dã Tượng	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
		Dã Tượng	Cuối đường	16,0	Biệt lập	3,0	2	
64	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Thái Học	Phan Bội Châu	20,0	Biệt lập	4,5	2	Quy hoạch chi tiết
65	Lê Thị Riêng	Xô Viết Nghệ Tĩnh (công ty cổ phần chăn nuôi)	Nguyễn Siêu	10,0	Biệt lập	3,0	2	
66	Lê Văn Tám	Khởi Nghĩa Bắc Sơn	Trần Hưng Đạo	10,0	Biệt lập	3,0	2	
67	Lữ Gia	Nguyễn Đình Chiểu	Cổng Học viện Lục Quân	16,0	Biệt lập	4,5	2	
		Lữ Gia	Cuối đường	14,0	Biệt lập	3,0	2	Đoạn còn lại
68	Lương Định	Quốc lộ	Cầu xóm	10,0	Liên kế có	2,4	2	

	Cửa	20	Hố		sân vườn			
		Cầu xóm Hồ	Cuối đường	10,0	Biệt lập	3,0	2	
69	Lương Thế Vinh	Hà Huy Tập (ngang qua Trại giam)	Trường Lê Quý Đôn	16,0	Biệt lập	3,0	2	
70	Lý Nam Đê	Nguyễn Công Trứ	Phù Đổng Thiên Vương (công KTX Đại học)	14,0	Biệt lập	3,0	2	
71	Lý Thường Kiệt	Khu Chi Lăng	Nhà máy Atisô	10,0	Trái: liên kế có sân vườn Phải: Biệt lập	2,4 3,0	2 2	Theo khu quy hoạch Học viện Lục Quân
72	Lý Tự Trọng	Bùi Thị Xuân	Khách sạn Đại Lợi	14,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế	3,0 0,0	2 2	
		Khách sạn Đại Lợi	Lý Tự Trọng	14,0	Biệt lập	3,0	2	
73	Ma Trang Sơn	Hoàng Diệu	Hoàng Văn Thụ	10,0	Biệt lập	3,0	2	
74	Mẫu Tâm	Gio An	Huyền Trân Công Chúa	10,0	Biệt lập	3,0	2	
75	Mai Anh Đào	Phù Đổng Thiên Vương	Nguyễn Tử Lực	24,0	Biệt lập	6,0	2	

		Vương (ngã 3 Vạn Kiếp)						
76	Mai Hắc Đế	Trần Bình Trọng	Ngô Quyền	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
77	Mai Xuân Thưởng	Vạn Hạnh	Nguyễn Tử Lục (ngã 4 Đập 1 Đa Thiện)	14,0	Biệt lập	3,0	2	
78	Mạc Đĩnh Chi	Ba Tháng Hai	Hoàng Văn Thụ	12,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	Quy hoạch chi tiết
79	Mê Linh	Chi Lãng	Ngã 3 (cuối nhánh vòng)	18,0	Biệt lập	4,5	2	
		Ngã 3 (cuối nhánh vòng)	Hồ Xuân Hương	18,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
80	Mimosa	Khe Sanh	Prenn	27,0	Biệt thự	6,0	2	
81	Nam Hồ	Hùng Vương	Hồ Xuân Hương	16,0	Biệt lập	3,0	2	
82	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ba Tháng Hai	Thủ Khoa Huân	15,0	Liên kế	0,0 0,0	Trái : 3 Phải : 4	
83	Ngô Gia Tự	Hồ Xuân Hương	Nghĩa trang Thái Phiên	24,0	Biệt lập	6,0	2	
84	Ngô Huy Diễn	Trần Bình Trọng (ngang Trường tiểu học Trần	Ngã 3 Trần Bình Trọng - Hàn Thuyên	10,0	Biệt lập	3,0	2	

		Bình Trọng)						
85	Ngô Quyền	Mai Hắc Đế	Bạch Đằng	16,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
86	Ngô Tất Tố	Mai Anh Đào	Trần Quang Khải (ngang qua nhà thờ Đa Thiện)	14,0	Biệt lập	3,0	2	
87	Ngô Thi Nhậm	Đồng Tâm	Nhà thờ Đồng Tâm	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
		Nhà thờ Đồng Tâm	Ngô Thi Sĩ	10,0	Biệt lập	3,0	2	
88	Ngô Thi Sĩ	Pasteur	Huyền Trân Công Chúa	14,0	Biệt lập	3,0	2	
89	Ngô Văn Sở	Khu Chi Lăng	Mê Linh	12,0	Biệt lập	3,0	2	Riêng bên phải, đoạn từ ngã 3 Chi Lăng đến cầu (suối): Liên kế có sân vườn; khoảng lùi 2,4m
90	Nguyễn An Ninh	Ngô Quyền	Hàn Thuyên	10,0	Biệt lập	3,0	2	
91	Nguyễn Chí Thanh	Khu Hòa Bình	Bậc cấp xuống ánh Sáng	16,0	Liên kế	0,0	Trái : QH Phải : 4	Bên trái: Theo quy hoạch chi tiết Bên phải: 4 tầng
		Bậc cấp xuống ánh	Nguyễn Văn Cừ	16,0	Liên kế	0,0	Trái : 2	

		Sáng					Phải : 3	
92	Nguyễn Công Trứ	Ngã 5 Đại học	Lý Nam Đế	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	3	Lệch tâm (trái: 8,0m; phải: 12,0m)
		Lý Nam Đế	Xô Viết Nghệ Tĩnh	20,0	Biệt lập	4,5	2	Lệch tâm (trái: 8,0m; phải: 12,0m)
93	Nguyễn Du	Quang Trung	Trần Quý Cáp	16,0	Biệt lập	4,5	2	
94	Nguyễn Hoàng	Thánh Mẫu	Châu Văn Liêm	16,0	Biệt lập	4,5	2	
95	Nguyễn Hữu Cầu	Thái Phiên (gần chợ Thái Phiên)	Thái Phiên	10,0	Biệt lập	3,0	2	Riêng 80 mét đầu tính từ lộ giới đường Thái Phiên : Liên kế
96	Nguyễn Hữu Cảnh	Phù Đổng Thiên Vương (Công ty may xuất khẩu)	Phù Đổng Thiên Vương (gần ngã 3 Phù Đổng Thiên Vương - Trần Quang Khải)	12,0	Biệt lập	3,0	2	Quy hoạch chi tiết
97	Nguyễn Khuyến	Lê Lai	Cuối đường	16,0	Biệt lập	4,5	2	
98	Nguyễn Lương Bằng	Phan Đình Phùng	An Dương Vương	10,0	Liên kế	0,0	3	
99	Nguyễn Đình Chiểu	Sương Nguyệt Anh	Lữ Gia	20,0	Biệt lập	4,5	2	
100	Nguyễn Đình	Hoàng Văn Thụ	Nghĩa trang Cam Ly	16,0	Biệt lập	3,0	2	

	<i>Quận</i>							
10 1	Nguyễn Phi ý Lan	Thánh Mẫu	Châu Văn Liên	14,0	Biệt lập	3,0	2	
10 2	Nguyễn Siêu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã 3 Bạch Đặng	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
		Ngã 3 Bạch Đặng	Cao Thắng	20,0	Biệt lập	4,5	2	
10 3	Nguyễn Thái Bình	Ngô Gia Tự	Thái Phiên	10,0	Biệt lập	3,0	2	
10 4	Nguyễn Thái Học	Lê Đại Hành	Đình Tiên Hoàng	24,0	Biệt thự	6,0	2	
10 5	Nguyễn Thị Minh Khai	-	-	-	Liên kế	0,0	2	Quy hoạch chi tiết
10 6	Nguyễn Thị Nghĩa	Bùi Thị Xuân (Công ty thực phẩm Lâm Đồng)	Bùi Thị Xuân (kể cả đoạn nhánh cụt)	10,0	Liên kế	0,0	2	
10 7	Nguyễn Thị Định	Cầu Ba Tháng Hai	Suối Phan Đình Phùng	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	Quy hoạch chi tiết
10 8	Nguyễn Thượng Hiền	Mai Hắc Đế	Yết Kiêu	14,0	Biệt lập	3,0	2	
10 9	Nguyễn Tử Lực	Bà Huyện Thanh Quan	Công ty Hasfarm	20,0	Biệt lập	6,0	2	

		Công ty Hasfarm	Mai Xuân Thuởng	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	3	
		Mai Xuân Thuởng	Mai Anh Đào	20,0	Biệt lập	6,0	2	
110	Nguyễn Trãi	Yersin	Quang Trung	20,0	Biệt lập	4,5	2	
111	Nguyễn Trung Trực	Triệu Việt Vương	Khu C5	12,0	Biệt lập	3,0	2	Quy hoạch chi tiết
112	Nguyễn Văn Cừ	Ba Tháng Hai	Cầu Bà Triệu	20,0	Liên kế	0,0	3	
113	Nguyễn Văn Trỗi	Khu Hòa Bình	Nhà thờ Tin Lành	-	Liên kế	0,0	3	
		Nhà thờ Tin Lành	Ngã 3 Chùa	16,0	Liên kế	0,0	3	
		Phan Đình Phùng	Bùi Thị Xuân	20,0	Liên kế	0,0	3	
114	Nguyễn Viết Xuân	Lê Hồng Phong	Pasteur	14,0	Biệt lập	3,0	2	
115	Nhà Chung	Trần Phú	UBND phường 3	18,0	Liên kế	0,0	3	
		UBND phường 3	Cuối đường	16,0	Biệt lập	3,0	2	
116	Pasteur	Trần Phú (Tòa án Tỉnh)	Triệu Việt Vương (Viện Pasteur)	20,0	Biệt lập	4,5	2	
117	Phạm Hồng Thái	Yersin	Trần Hưng Đạo	15,0	Trái: Biệt lập Phải:	3,0	2	Lệch tâm (trái: 5,0m; phải: 10,0m và theo quy chế bảo

					Quy chế Bảo tồn kiến trúc			tồn kiến trúc)
11 8	Phạm Ngọc Thạch	Hải Thượng	Phòng khám đa khoa	14,0	Liên kế	0,0	3	Quy hoạch chi tiết
		Phòng khám đa khoa	Thi Sách	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
		Thi Sách	Ngô Quyền	14,0	Biệt lập	3,0	2	Quy hoạch chi tiết
11 9	Phạm Ngũ Lão	Lê Đại Hành	Bà Triệu	16,0	Liên kế	0,0	3	
12 0	Phan Bội Châu	Khu Hòa Bình	Lê Thị Hồng Gấm	18,0	Liên kế	0,0	4	Phần giáp chợ theo Quy hoạch chi tiết
		Lê Thị Hồng Gấm	Bùi Thị Xuân	18,0	Liên kế	0,0	Trái : 3 Phải : 2	
12 1	Phan Chu Trình	Ngã 4 Phan Chu Trình	Cuối khu quy hoạch (nhà số 2)	20,0	Liên kế	0,0	4	
		Từ sau khu quy hoạch (từ sau nhà số 2)	Nhà số 12	20,0	Biệt lập	4,5	2	
		Từ sau nhà số 12	Khu Chi Lãng	20,0	Trái: Liên kế có sân	2,4 4,5	2 2	

					vườn Phải: Biệt lập			
12 2	Phan Nhu Thạch	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ngã 3 Thủ Khoa Huân	15,0	Liên kế	0,0	3	Biệt thự thì giữ nguyên dạng kiến trúc, không được chuyển thành nhà liên kế
12 3	Phan Đình Giót	Ngô Quyền	Suối Cam Ly	14,0	Biệt lập	3,0	2	
12 4	Phan Đình Phùng	Ba Tháng Hai	Ngã 3 Trương Công Định	18,0	Liên kế	0,0	4	
		Ngã 3 Trương Công Định	Ngã 3 Chùa (nhà số 206)	20,0	Liên kế	0,0	4	
		Ngã 3 Chùa (nhà 206)	Xô Viết Nghệ Tĩnh	20,0	Liên kế	0,0	3	
12 5	Phó Đức Chính	Quang Trung	Quang Trung	14,0	Biệt lập	3,0	2	
12 6	Phù Đổng Thiên Vương	Ngã 5 Đại học	Trần Khánh Dư	30,0	Liên kế có sân vườn	2,4	3	
		Trần Khánh Dư	Khu quy hoạch	30,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	6,0 2,4	2 3	

		Khu quy hoạch	Trần Quang Khải	30,0	Liên kế có sân vườn	2,4	3	Quy hoạch chi tiết
		Trần Quang Khải	Mai Anh Đào	30,0	Biệt lập	6,0	2	Quy hoạch chi tiết
12 7	Quang Trung	Nguyễn Trãi	Phan Chu Trinh	20,0	Biệt lập	4,5	2	
12 8	Quốc lộ 20	Ngã 3 Nam Hồ	Khu khai thác đá của Cty Vật liệu xây dựng	27,0	Biệt lập	6,0	2	Bên phải theo quy hoạch chi tiết.
		Khu khai thác đá của Cty Vật liệu xây dựng	Trường Trại Mát	27,0	Liên kế có sân vườn	2,4	3	
		Trường Trại Mát	Nhà ga	27,0	Liên kế	0,0	3	
		Nhà ga	Trường Nguyễn Đình Chiểu	27,0	Biệt lập	6,0	2	
12 9	Sương Nguyệt Anh	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Đình Chiểu	20,0	Biệt lập	4,5	2	Quy hoạch chi tiết
13 0	Tăng Bạt Hồ	Khu Hòa Bình	Trương Công Định	-	Liên kế	0,0	3	
13 1	Tản Đà	Phan Đình Phùng	Hai Bà Trưng	-	Liên kế	0,0	4	
13 2	Thánh Tâm	Huyền Trân Công Chúa	Cuối đường	10,0	Biệt lập	3,0	2	

13 3	Thánh Mẫu	Phù Đổng Thiên Vương	Nguyễn Siêu	24,0	Biệt lập	4,5	2	
13 4	Thái Phiên	Ngô Gia Tự	Đập Thái Phiên	20,0	Biệt lập	4,5	2	
13 5	Thi Sách	Phạm Ngọc Thạch	Trường Lê Lợi	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
		Trường Lê Lợi	Ngô Quyền	14,0	Biệt lập	3,0	2	Quy hoạch chi tiết
13 6	Thiện Mỹ	Pasteur	Đồng Tâm	10,0	Biệt lập	3,0	2	
13 7	Thiện ý	Hoàng Văn Thụ	Cuối đường	10,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	3,0 2,4	2 3	
13 8	Thông Thiên Học	Bùi Thị Xuân	Cổng Tỉnh Đội	14,0	Trái: Liên kế có sân vườn Phải: Liên kế	2,4 0,0	2 2	
		Cổng Tỉnh Đội	An Dương Vương	14,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
13 9	Thủ Khoa Huân	Ba Tháng Hai	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	14,0	Trái: Liên kế Phải: Biệt	0,0 3,0	3 2	

					lập			
14 0	Tô Hiến Thành	Bến xe Liên Tĩnh	Đông Đa	16,0	Biệt lập	3,0	2	Quy hoạch chi tiết
14 1	Tô Hiệu	Vạn Kiếp	Thánh Mẫu	16,0	Biệt lập	3,0	2	
14 2	Tô Ngọc Vân	Hải Thượng	La Sơn Phu Tử	7,0	Liên kế	0,0	2	Quy hoạch chi tiết
14 3	Tô Vĩnh Diện	Ngô Quyền	Cao Thắng	10,0	Biệt lập	3,0	2	
14 4	Tôn Thất Tùng	Vạn Kiếp (ngã 3 trường Trần Hung Đạo cũ)	Vạn Kiếp (quanh hông và sau trường Trần Hưng Đạo)	16,0	Biệt lập	3,0	2	
14 5	Tương Phổ	Phó Đức Chính	Nguyễn Du	14,0	Biệt lập	3,0	2	
14 6	Trần Anh Tông	Nguyên Tử Lực (Công ty Hasfarm)	Cách Mạng Tháng Tám	10,0	Biệt lập	3,0	2	
14 7	Trần Bình Trọng	Hải Thượng	Nguyễn Khuyến	16,0	Biệt thự	4,5	2	
14 8	Trần Hung Đạo	Trần Phú	Hồ Tùng Mậu	24,0	Biệt thự	6,0	2	
		Hồ Tùng Mậu	Khe Sanh	27,0	Biệt lập	6,0	2	
14 9	Trần Khánh Dư	Phù Đông Thiên Vương (phía	Qua khỏi hẻm qua đường Nguyễn Công Trứ	14,0	Trái: Liên kế có sân vườn	2,4 3,0	2 2	

		ngã 5 Đại học)	30 mét		Phải: Biệt lập			
		Qua khỏi hẻm qua đường Nguyễn Công Trứ 30 mét	Phù Đổng Thiên Vương (phía đập 3 Đa Thiện)	14,0	Biệt lập	3,0	2	
150	Trần Đại Nghĩa	Mai Xuân Thuởng	Mai Anh Đào	10,0	Biệt lập	3,0	2	
151	Trần Nhân Tông	Ngã 5 Đại học	Bà Huyện Thanh Quan	20,0	Biệt thự	6,0	2	
152	Trần Nhật Duật	Hoàng Diệu	Trần Bình Trọng	10,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
153	Trần Phú	Hà Huy Tập	Bà Triệu	24,0	Biệt lập	6,0	2	Riêng bên trái từ Cty KD&PT nhà đến Đào Duy Từ: Nhà liên kế; khoảng lùi 0,0m; 3 tầng.
		Bà Triệu	Hẻm vào Công ty APEX	24,0	Biệt Lập	Trái: 6,0 Phải: 4,5	2	
		Hẻm vào Công ty APEX	Hẻm 42 Trần Phú	24,0	Biệt lập	6,0	2	
		Hẻm 42 Trần Phú	Ba Tháng Hai	24,0	Liên kế có sân vườn	3,0	3	

15 4	Trần Quang Diệu	Hoàng Hoa Thám	Khu dân cư Dinh I	16,0	Biệt thự	4,5	2	
15 5	Trần Quang Khải	Phù Đổng Thiên Vương (trạm y tế phường 8)	Phù Đổng Thiên Vương	14,0	Biệt lập	3,0	2	
15 6	Trần Quý Cáp	Ngã 4 Phan Chu Trình	Cầu Trần Quý Cáp	20,0	-	-	2	Quy hoạch chi tiết.
		Cầu Trần Quý Cáp	Hùng Vương	20,0	Biệt lập	4,5	2	
15 7	Trần Quốc Toản	Lê Đại Hành	Yersin	14,0	Biệt thự	6,0	2	Quy hoạch chi tiết.
15 8	Trần Thái Tông	Hùng Vương	Cuối đường	14,0	Biệt lập	3,0	2	
15 9	Trần Thánh Tông	Cầu An Bình	Thiền viện Trúc Lâm	20,0	Biệt lập	6,0	2	
16 0	Trần Văn Côi	Hoàng Văn Thụ (đốc Vạn Thành)	Ankroet	20,0	Biệt lập	6,0	2	
16 1	Trạng Trình	Bà Huyện Thanh Quan	Nguyễn Đình Chiêu	12,0	Biệt lập	3,0	2	
16 2	Triệu Việt	Pasteur	Trần Thánh Tông	20,0	Biệt lập	4,5	2	Quy hoạch chi tiết

	Vương							
16 3	Trịnh Hoài Đức	Nam Hồ	Cuối đường (ngang qua Trạm Vật lý địa cầu)	10,0	Biệt lập	3,0	2	
16 4	Trương Công Định	Khu Hòa Bình	Phan Đình Phùng	10,0 đến 12,0	Liên kế	0,0	3	
16 5	Trương Văn Hoàn	Mê Linh	Suối	14,0	Biệt lập	3,0	2	
16 6	Trúc Lâm Yên Tử	Đường đèo Prenn	Thiền viện Trúc Lâm	20,0	-	-	-	Quy hoạch chi tiết
16 7	Vạn Hạnh	Trần Khánh Dư	Trạm Y tế phường 8	14,0	Biệt lập	3,0	2	
16 8	Vạn Kiếp	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phù Đổng Thiên Vương	16,0	Biệt lập	3,0	2	
16 9	Võ Thị Sáu	Lý Tự Trọng	Bùi Thị Xuân	10,0	Liên kế	0,0	2	
17 0	Võ Trường Toàn	Phù Đổng Thiên Vương	Nguyên Tử Lục (công ty Hasfarm)	10,0	Biệt lập	3,0	2	
17 1	Vòng Lâm Viên	Mê Linh	Mai Anh Đào	24,0	Biệt lập	6,0	2	
17 2	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phan Đình Phùng	Ankroet	20,0	Biệt lập	4,5	2	Riêng khu trung tâm thương mại: Theo quy hoạch chi tiết.
17 3	Y Đình	An Tôn	Huyền Trân Công Chúa	16,0	Biệt lập	4,5	2	
17 4	Yagout	Hoàng Diệu	Trần Bình Trọng	14,0	Biệt thự	3,0	2	

17 5	Yên Thế	Hùng Vương	Nhà Bảo tàng	16,0	Biệt thự	3,0	2	
17 6	Yết Kiêu	Trần Bình Trọng	Hàn Thuyên	16,0	Biệt lập	3,0	2	
17 7	Yersin	Trần Quốc Toản	Phạm Hồng Thái	20,0	Biệt lập	6,0	2	Quy hoạch chi tiết.
		Phạm Hồng Thái	Hẻm số 3 Yersin	20,0	Trái: Biệt lập Phải: Liên kế có sân vườn	4,5 2,4	2 2	
		Hẻm số 3 Yersin	Xí nghiệp in Cục Bản đồ	20,0	Liên kế có sân vườn	2,4	2	
		Xí nghiệp in Cục Bản đồ	Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	20,0	Biệt lập	3,0	2	
		Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt	Cuối sân bóng trường Cao đẳng Sư phạm	20,0	Biệt lập	3,0	2	Quy hoạch chi tiết
		Cuối sân bóng trường Cao đẳng Sư phạm	Nguyễn Đình Chiểu	14,0	Biệt lập	3,0	2	
17 8	Đèo Prenn	Đông Đa	Cầu Prenn	27,0	Biệt thự	6,0	2	Quy hoạch chi tiết

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)
PHAN THIÊN